

# HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM TRƯỚC NGƯỠNG CỬA VIỆT NAM GIA NHẬP HIỆP ĐỊNH TPP

**Trần Thị Tố Linh**

*Viện Ngân hàng - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế quốc dân*

*Email: linhtran@neu.edu.vn*

**Nguyễn Thị Hoàng Yến**

*Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

*Email: hnhoangyennguyen1@gmail.com*

Ngày nhận: 18/6/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2016

Ngày duyệt đăng: 25/8/2016

## **Tóm tắt:**

*Sự tham gia của Việt Nam vào Hiệp định Đối tác Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) hứa hẹn mở ra cơ hội lớn về tăng cường quan hệ thương mại và đầu tư cho Việt Nam. Trong các nội dung cam kết của TPP, mở cửa dịch vụ tài chính là một nội dung được quan tâm và có những ảnh hưởng lớn đến thị trường tài chính trong nước, bao gồm ảnh hưởng đến hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo hiểm và chứng khoán. Bài viết này chỉ xem xét ảnh hưởng của TPP đến hệ thống các tổ chức tín dụng trong nước và đưa ra những đánh giá tổng quan về thực trạng hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam gia nhập TPP thông qua các chỉ số tài chính cơ bản. Có thể thấy, TPP đem lại cơ hội cho sự phát triển của hệ thống các tổ chức tín dụng trong nước, tuy nhiên sự chưa chuẩn bị sẵn sàng cho việc mở cửa thị trường sẽ dẫn đến những rủi ro và những thách thức không nhỏ.*

**Từ khóa:** tổ chức tín dụng, Hiệp định Đối tác Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), tài chính.

## **The system of Vietnamese Credit Institutions on the threshold of joining the Trans-Pacific Partnership Agreement**

### *Abstract:*

*The fact that Vietnam has signed the Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP) has promised to open a great opportunity to improve the trade and investment relations between Vietnam and its partners. Among the commitments of TPP, financial services liberalization is an issue that is taken into account and has a big impact on domestic financial market, including influence on credit institutions system, insurance and security markets. This paper provides a comprehensive remarks on the status of Vietnamese credit institution system and uses basic financial indicators to assess the impacts of TPP on Vietnamese credit institution system in the context of TPP integration. Therefore, TPP has provides opportunities for Vietnam to develop its financial institution system. However, the unreadiness for the open of domestic markets will create remarkable risks and challenges for commercial banks as well as financial institutions.*

*Key words: credit institution; Trans-Pacific Partnership Agreement (TPP); finance.*

## 1. Đặt vấn đề

Hiệp định TPP là hiệp định thương mại tự do giữa 12 nước thuộc hai bờ Thái Bình Dương, bao gồm New Zealand, Brunei, Chile, Singapore, Australia, Peru, Hoa Kỳ, Malaysia, Việt Nam, Canada, Mexico và Nhật Bản. Ngày 05/10/2015, 12 thành viên TPP đã hoàn tất quá trình đàm phán các nội dung của Hiệp định. Việc kết thúc đàm phán TPP với các tiêu chuẩn mới và cao về thương mại, đầu tư tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương sau 7 năm thương thảo đã mở ra nhiều cơ hội mới cho Việt Nam trong việc tiến sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Quá trình này không những đem lại những cơ hội tốt cho lĩnh vực tài chính - tín dụng trong việc tiếp cận thị trường nước ngoài, mà còn tạo sức ép đưa tới những thay đổi cần có trong chính sách quản lý của chính phủ cũng như trong hoạt động của các ngân hàng thương mại.

Hiện nay, hệ thống các tổ chức tín dụng có 118 tổ chức gồm 28 ngân hàng thương mại cổ phần và 7 ngân hàng thương mại nhà nước, giảm 10 ngân hàng thương mại cổ phần so với năm 2011. Đề án tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 254/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 48/2013/QĐ-TTg cho phép Ngân hàng Nhà nước được góp vốn, mua cổ phần hoặc chỉ định ngân hàng thương mại nhà nước mua cổ phần đối với các tổ chức tín dụng bị kiểm soát đặc biệt. Điều này góp phần làm thay đổi mạnh mẽ bộ mặt của hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng yếu kém bị thanh lọc, xử lý quyết liệt hơn.

Tính đến cuối năm 2015, tổng tài sản của hệ thống các tổ chức tín dụng đạt 7 triệu 109 nghìn tỷ đồng, tăng 12,4% so với năm 2014. Đây là con số khá lớn cho thấy sự phát triển của hệ thống ngân hàng trong những năm qua. Cơ cấu tài sản nợ - có cũng cho thấy sự dịch chuyển theo hướng tích cực hơn, cụ thể tỷ trọng tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá có xu hướng tăng lên và hệ thống giảm phụ thuộc vào nguồn vốn liên ngân hàng. Tỷ trọng vốn chủ sở hữu duy trì ổn định quanh mức 7% đến 8% trong giai đoạn 2011-2015.

Chất lượng tín dụng của hệ thống các tổ chức tín dụng được cải thiện, thể hiện ở tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011-2015. Đến cuối năm 2015, nợ quá hạn của hệ thống các tổ chức tín dụng là 179.501 tỷ đồng, tỷ lệ nợ quá hạn là 4,4% (năm 2012, tỷ lệ này là trên 10%). Năm

2015 cũng là năm Ngân hàng Nhà nước đã điều hành quyết liệt nhằm giảm tỷ lệ nợ xấu của hệ thống xuống dưới 3%. Tính đến cuối năm 2015, nợ xấu là 119.660 tỷ đồng (tỷ lệ là 2,92%). Trong đó, các ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần lớn đều đã đưa tỷ lệ này về mức dưới 3% theo quy định. Bên cạnh đó, tỷ lệ an toàn vốn của hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam ở mức 11,6%, đạt trên mức quy định tối thiểu là 9%. Như vậy, về mức an toàn vốn của hệ thống vẫn đạt được.

Nhìn chung hiện nay, toàn cảnh bức tranh hệ thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam đang chuyển dịch theo chiều hướng tích cực. Tuy nhiên trước ngưỡng cửa Việt Nam gia nhập Hiệp định TPP thì thực tế này đặt ra yêu cầu nghiên cứu mới theo hướng cần đánh giá lại hệ thống các tổ chức tín dụng và ảnh hưởng của việc Việt Nam gia nhập TPP đến hệ thống các tổ chức tín dụng trong nước, từ đó tạo cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp quyết liệt nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng, đặc biệt là tín dụng bất động sản.

Chính vì vậy, bài viết sẽ tập trung đánh giá mức độ phát triển của hệ thống các tổ chức tín dụng trước ngưỡng cửa Việt Nam gia nhập Hiệp định TPP thông qua một số chỉ tiêu tài chính, bao gồm độ sâu của thị trường tài chính, các chỉ tiêu đánh giá về chất lượng tín dụng như cơ cấu nguồn vốn tín dụng, cơ cấu tín dụng, nợ xấu và nhận thức của doanh nghiệp ngành tài chính về việc Việt Nam tham gia vào Hiệp định TPP. Bên cạnh đó, bài viết rà soát các cam kết trong Hiệp định TPP về lĩnh vực tài chính liên quan đến các tổ chức tín dụng và đánh giá ảnh hưởng của các cam kết đó đối với các tổ chức tín dụng trong nước.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích định lượng và định tính để đưa ra bức tranh về hệ thống các tổ chức tín dụng trước ngưỡng cửa Việt Nam gia nhập Hiệp định TPP.

Để xem xét và đánh giá sự phát triển của hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện nay và xem xét những rủi ro của hệ thống, bài viết này sử dụng chỉ số độ sâu của thị trường tài chính và các chỉ số tài chính cơ bản của hệ thống tài chính tín dụng. Độ sâu thị trường tài chính là chỉ số đo lường việc thực hiện chức năng dẫn vốn của thị trường tài chính, gồm việc điều tiết nguồn vốn từ nơi dư thừa đến nơi thiếu

vốn, từ đó tích lũy vốn để đầu tư vào nền kinh tế. Theo lý thuyết về mối quan hệ giữa phát triển tài chính và tăng trưởng kinh tế được khởi xướng bởi Schumpeter (1912), Gerard Debreu (1959), một hệ thống tài chính vận hành tốt giúp đưa tiết kiệm vào đầu tư, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật và từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế. Do đó, phát triển hệ thống tài chính theo chiều sâu là khuyến khích tiết kiệm, tăng đầu tư, từ đó tăng sản phẩm quốc nội (GDP) và thể hiện ở sự gia tăng tỷ lệ giá trị của các tài sản tài chính so với GDP, hay nói cách khác độ sâu của thị trường tài chính chính là mức độ phát triển của thị trường tài chính. Do đó để đánh giá sự phát triển của thị trường tài chính hiện nay, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia đã tính toán độ sâu của thị trường tài chính Việt Nam bằng tỷ lệ giữa tổng tài sản các tổ chức tín dụng, giá trị vốn hóa cổ phiếu, dư nợ trái phiếu với GDP. Bài viết xem xét chỉ số này của Việt Nam và so sánh với các chỉ số của một số nước và khu vực trên thế giới để xem xét mức độ phát triển của thị trường tài chính Việt Nam.

Bên cạnh đó, bài viết còn xem xét các chỉ số tài chính cơ bản khác của hệ thống các tổ chức tín dụng như cơ cấu nguồn vốn tín dụng và cơ cấu tín dụng, nợ xấu,... từ đó rút ra những đánh giá về chất lượng tín dụng để phân tích về tính rủi ro của hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện nay.

Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích để có các đánh giá định tính về ảnh hưởng của các cam kết tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam.

### **3. Kết quả nghiên cứu**

#### **3.1. Đánh giá hệ thống các tổ chức tín dụng trước ngưỡng cửa Việt Nam gia nhập Hiệp định TPP**

*Kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, nhưng độ sẵn sàng hội nhập về tài chính còn hạn chế:*

Trong những năm gần đây, Việt Nam liên tục tham gia ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương, đồng nghĩa với việc mở cửa kinh tế ngày càng sâu rộng ra thế giới, không loại trừ mở cửa thị trường tài chính. Đặc biệt, khi Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định TPP, các cam kết về mở cửa dịch vụ tài chính đưa thị trường tài chính Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu hơn. Xem xét sự sẵn sàng hội nhập của thị trường tài chính là sự xem xét độ sâu phát triển của thị trường tài chính (bao gồm:

thị trường vay nợ ngân hàng, thị trường chứng khoán vốn, thị trường các tài sản thu nhập cố định, thị trường các công cụ phái sinh và chứng khoán hóa; hiện nay thị trường các công cụ phái sinh Việt Nam còn ở mức sơ khai). Tuy nhiên, so với một số nước và khu vực trên thế giới, độ sâu của thị trường tài chính hay nói cách khác, sự phát triển của thị trường tài chính của Việt Nam có xu hướng tăng trong thời gian qua, nhưng vẫn còn ở mức thấp (Hình 1).

Các chỉ số về an toàn hệ thống và tín dụng ở Việt Nam đang được thực hiện theo mức quy định quốc tế Basel II, trong khi trên thế giới đang bắt đầu áp dụng Basel III. Ngay cả khi đưa các chỉ số về mức an toàn thì hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam vẫn tiềm ẩn những rủi ro sau đây:

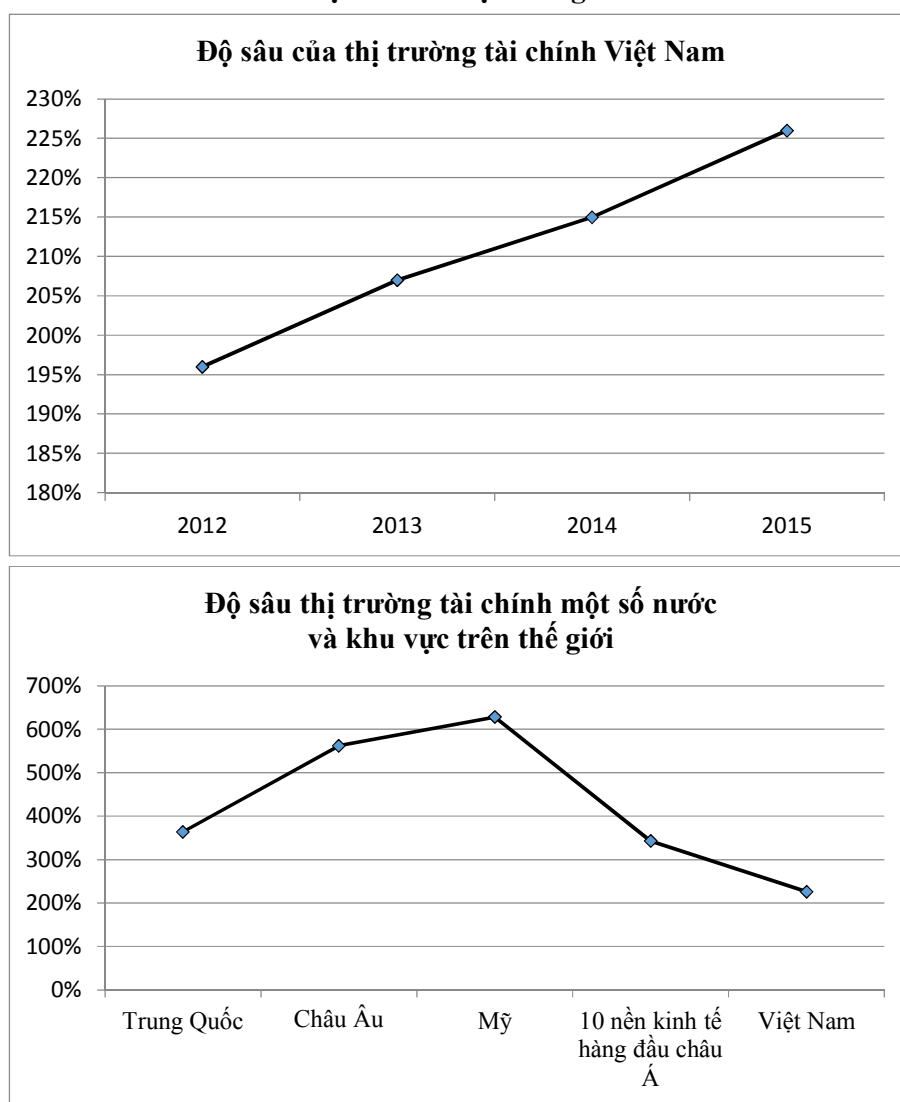
*Tốc độ tăng trưởng tín dụng cao nhưng chưa chắc đã đem lại những lợi ích thiết thực cho nền kinh tế:*

Tốc độ tăng trưởng tín dụng tăng nhanh đạt và đều thể hiện sự hấp thụ vốn của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2015 đạt 19,3% so với năm 2014 (trong khi tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2014 là 14,3%). Tốc độ tăng nhanh và đều trong năm 2015, cùng với sự gia tăng tín dụng trong cơ cấu tài sản cho thấy khả năng sinh lời trong ngắn hạn của các ngân hàng thương mại trong năm vừa qua tăng lên khá tốt. Tuy nhiên, tốc độ huy động vốn tăng 16,1% so với năm 2014, trong khi dư nợ tín dụng trung và dài hạn tăng 31,4% cho thấy rủi ro tiềm ẩn khi nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn. Một tốc độ tăng trưởng tín dụng cao chưa chắc đã đem lại những lợi ích thiết thực cho nền kinh tế, thậm chí có thể có những rủi ro tiềm ẩn (Nguyễn Thị Hoàng Yến, 2016).

*Rủi ro thanh khoản tiềm ẩn từ tỷ lệ cho vay trung và dài hạn từ nguồn huy động ngắn hạn tăng cao:*

Trong năm 2015, tín dụng trung và dài hạn đạt 2 triệu 485 nghìn tỷ đồng, tăng 31,4%, trong khi tín dụng ngắn hạn đạt 2 triệu 1 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với đầu năm. Cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn có sự thay đổi đáng kể từ năm 2011 đến nay, tỷ trọng tín dụng trung và dài hạn có xu hướng tăng lên, trong khi tỷ trọng tín dụng ngắn hạn có xu hướng ngược lại. Theo Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, nguyên nhân dẫn đến xu hướng này là do nền kinh tế phục hồi dẫn đến các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng trung và dài hạn để mở rộng

**Hình 1: Độ sâu của thị trường tài chính\***



Nguồn: Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (2016)

\* (Tổng tài sản tổ chức tín dụng + Giá trị vốn hóa cổ phiếu + Dự nợ trái phiếu)/GDP

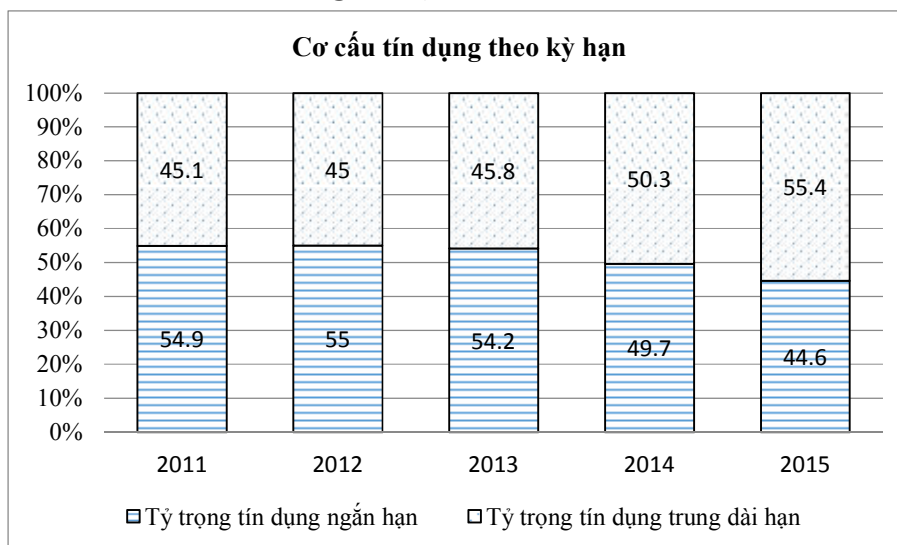
hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh đó, một phần nợ được cơ cấu từ ngắn hạn sang trung và dài hạn, sự hồi phục nhẹ của thị trường bất động sản cũng ảnh hưởng đến cơ cấu kỳ hạn tín dụng ngân hàng.

Xét về nguồn vốn được sử dụng cho tín dụng trung và dài hạn, năm 2015, tín dụng trung và dài hạn chiếm 55,4% tổng dư nợ tín dụng, tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay đầu tư dài hạn lên đến 31,8%, trong khi năm 2014 là 20,2%. Thông thường, một phần tín dụng trung và dài hạn được lấy từ nguồn huy động ngắn hạn chuyển sang theo một tỷ lệ nhất định, các tổ chức tín dụng xác định tỷ lệ phần trăm tùy thuộc vào sự biến động của lượng tiền gửi và rút ra của khách hàng để tạo ra một nguồn ổn

định cho vay trung, dài hạn. Tuy nhiên, nguồn này thường có rủi ro cao nên các tổ chức tín dụng thường chỉ sử dụng một tỷ lệ nhỏ. Việc cho vay trung và dài hạn được lấy từ nguồn ngắn hạn tăng cao như hiện nay đem lại rủi ro thanh khoản tiềm ẩn cho toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng (Nguyễn Thị Hoàng Yến, 2016).

Xét về những lý do khiến tốc độ tăng trưởng tín dụng trung, dài hạn tăng lên chỉ một phần là do doanh nghiệp mở rộng hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh; một phần xuất phát từ hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản và cho vay tiêu dùng và một phần cơ cấu lại nợ từ ngắn hạn chuyển sang trung và dài hạn. Trong năm 2015, tín dụng đầu tư và kinh doanh bất động sản tăng 28,3%, trong đó

**Hình 2: Cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn của các tổ chức tín dụng Việt Nam giai đoạn 2011-2015**



Nguồn: Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (2016)

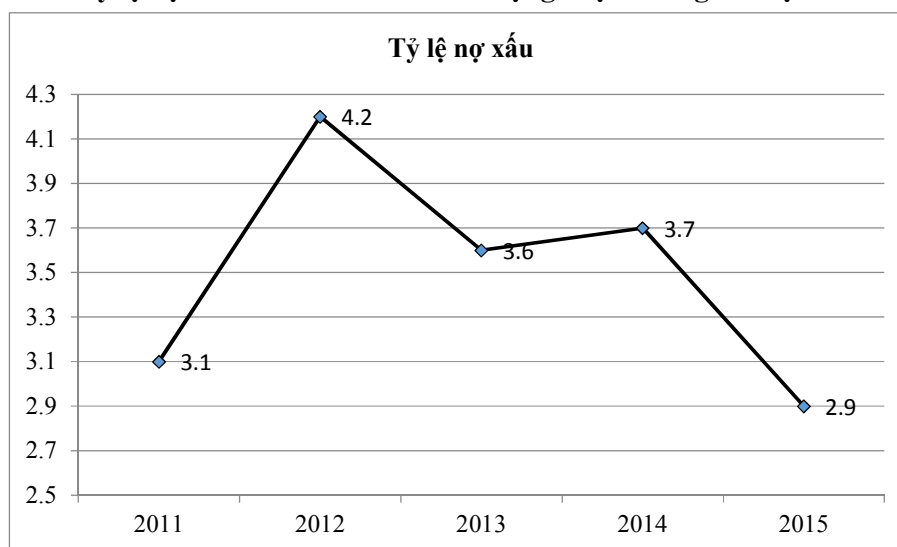
một phần do tập trung cho vay một số doanh nghiệp lớn, dự án bất động sản, và một số dự án dài hạn, khiến rủi ro rất lớn.

*Xử lý nợ xấu còn chưa thực chất:*

Trong giai đoạn 2011-2015, theo chỉ đạo quyết liệt của Ngân hàng Nhà nước, nợ của các tổ chức tín dụng được cơ cấu lại và nợ xấu giảm nhanh. Đến cuối năm 2015, tỷ lệ nợ xấu đã được đưa về mức dưới 3%, tuy nhiên phải xét xem phần nợ xấu đã được xử lý triệt để hay chưa hay phần lớn là được cơ cấu lại, khoan nợ, giãn nợ, hay bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

(VACM). Theo Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, nợ xấu hiện nay là 119.660 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,9% tổng dư nợ tín dụng. Lũy kế từ năm 2013 đến hết năm 2015, tổng nợ xấu VAMC đã mua là 245.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, số nợ xấu được VAMC xử lý lũy kế từ năm 2013 đến nay (bao gồm thu từ bán nợ, tài sản đảm bảo) là 22.783 tỷ đồng. Như vậy, con số nợ xấu được chuyển từ sổ sách của các tổ chức tín dụng sang sổ sách của VAMC là hơn 220.000 tỷ đồng, gần gấp đôi số nợ xấu được thống kê hiện nay của các tổ chức tín dụng. Thực chất, gánh nặng về nợ xấu đã được chuyển qua VAMC và

**Hình 3: Tỷ lệ nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam giai đoạn 2011-2015**



Nguồn: Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia(2016)

**Bảng 1: Nhận thức và sự ủng hộ của các doanh nghiệp trong nước đối với việc tham gia đàm phán TPP**

| Các ngành phân loại theo tiêu chuẩn quốc tế        | Hiểu biết (%) | Ủng hộ (%) |
|--|---------------|------------|
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản                       | 75,7          | 77,3       |
| Khai khoáng  | 87,8          | 70,5       |
| Điện, ga, khí đốt và điều hòa không khí            | 77,1          | 69,1       |
| Xây dựng   | 73,2          | 68,4       |
| Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa xe có động cơ và xe máy | 71            | 67,9       |
| Thông tin liên lạc                                 | 72,9          | 69,9       |
| Tài chính, bảo hiểm                                | 59,5          | 55,9       |
| Bất động sản                                       | 85            | 70,2       |
| Hoạt động khoa học, kỹ thuật                       | 80,1          | 71,8       |
| Hoạt động của các cơ quan, tổ chức ngoài lãnh thổ  | 73            | 68,9       |
| Sản xuất thực phẩm                                 | 82,5          | 78,1       |
| Sản xuất hàng dệt may                              | 94,1          | 80         |
| Sản xuất gỗ và sản phẩm gỗ                         | 78            | 72,2       |
| Sản xuất kim loại                                  | 80,2          | 73,2       |
| Sản xuất máy tính, điện tử và sản phẩm quang học   | 75            | 100        |
| Sản xuất xe có động cơ                             | 70,6          | 88,9       |

*Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2016)*

phụ thuộc vào khả năng thu hồi nợ của công ty này.

*Nhận thức của khối doanh nghiệp tài chính về việc Việt Nam gia nhập TPP còn hạn chế:*

Khi các cam kết của Việt Nam trong các hiệp định thương mại tự do được thực thi, đặc biệt là Hiệp định TPP có ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong nước. VCCI đã có cuộc điều tra đối với các doanh nghiệp về nhận thức và ủng hộ của họ đối với việc Việt Nam tham gia đàm phán Hiệp định TPP. Bảng 1 cho thấy tỷ lệ các doanh nghiệp ngành tài chính, bảo hiểm có nhận thức và ủng hộ về việc này thấp hơn hẳn so với tỷ lệ các doanh nghiệp ngành khác (chưa đến 60%, trong khi các ngành khác tỷ lệ này đều trên 70%). Như vậy, ngay từ nhận thức về Hiệp định TPP của khối doanh nghiệp ngành tài chính cũng chưa được chuẩn bị cho thấy sự sẵn sàng của khối doanh nghiệp ngành này chưa cao. Đây là một thách thức không nhỏ khi các cam kết trong Hiệp định TPP được thực thi.

### **3.2. Đánh giá ảnh hưởng của việc Việt Nam gia nhập Hiệp định TPP đến hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam**

Với những cam kết trong Hiệp định TPP, Việt Nam đã chấp nhận “cuộc chơi” với độ mở ngành

dịch vụ tài chính - ngân hàng ở mức độ sâu hơn, bao gồm: mở cửa chi nhánh tái bảo hiểm; nghĩa vụ cấp phép dịch vụ tài chính mới cho bất kỳ nước thành viên TPP nào; dành đối xử quốc gia cho các nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán nước ngoài đối với một số dịch vụ như xử lý dữ liệu tài chính qua biên giới; dịch vụ tư vấn và các dịch vụ phụ trợ qua biên giới liên quan tới giao dịch tài khoản tự doanh hoặc tài khoản của khách hàng; mở cửa dịch vụ quản lý danh mục đầu tư qua biên giới. Tuy nhiên, sự mở cửa với các điều kiện thị trường sẽ dần được xoá bỏ lại trở thành thách thức đối với thị trường tài chính của Việt Nam, trong bối cảnh đã có những tiến bộ nhưng vẫn ở mức thấp. Với sự mở cửa rộng hơn về dịch vụ tài chính, việc Việt Nam gia nhập TPP có những ảnh hưởng nhất định đến hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam:

*Sự gia tăng cạnh tranh và nguy cơ thu tóm các tổ chức tín dụng trong nước:* Việc gia nhập Hiệp định TPP có thể mang lại cơ hội phát triển cho các tổ chức tín dụng Việt Nam, tuy nhiên có thể làm tăng mức độ cạnh tranh khi việc gia nhập TPP buộc thị trường tài chính Việt Nam phải mở hơn và chấp nhận các dịch vụ tài chính từ bên ngoài. Tham gia TPP đồng nghĩa với việc mở cửa thị trường dịch vụ,

là mảng hoạt động thương mại mà mức độ mở cửa của Việt Nam là hạn chế và dè dặt nhất. Việc mở cửa thị trường dịch vụ sẽ khiến các nhà cung cấp có tiềm lực lớn, có kinh nghiệm và danh tiếng lâu năm, có ưu thế về cung cấp dịch vụ trên thế giới ồ ạt vào Việt Nam, trong đó có lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Với sự tham gia của các định chế tài chính từ các nước phát triển hơn Việt Nam trong TPP như Mỹ, Nhật Bản, Australia thì áp lực cạnh tranh trong ngành này tăng lên rõ rệt. Hệ thống ngân hàng của các nước này có thể mạnh về vốn, sản phẩm dịch vụ, công nghệ và kỹ năng tiếp cận khách hàng chuyên sâu... sẽ tạo áp lực cạnh tranh mạnh mẽ đối với các ngân hàng nội địa, trong khi hệ thống các tổ chức tín dụng trong nước chưa có sự đa dạng về sản phẩm và dịch vụ bán lẻ.

Các quy định về tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài có thể đầu tư vào các ngân hàng trong nước được nói ra gần đây có thể khiến các ngân hàng thương mại trong nước chịu sức ép bị thâm tóm hoặc chi phối khi thị trường tài chính được mở cửa (Nguyễn Thị Hương Thanh, 2014).

*Khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào các tổ chức tín dụng trong nước tạo cơ hội nâng cao năng lực vốn, công nghệ và quản trị:* Khả năng thu hút FDI, sự tham gia của các tập đoàn tài chính quốc tế sẽ đem lại cho các tổ chức tài chính tín dụng trong nước cơ hội tranh thủ nguồn vốn, học hỏi về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, cơ hội đào tạo nguồn nhân lực. Các quan hệ thương mại phát triển tạo cơ hội cho hệ thống ngân hàng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Đối với các tổ chức tín dụng trong nước, việc phân bổ nguồn lực sẽ hiệu quả hơn khi việc phân bổ nguồn vốn dành cho các dự án ưu tiên sẽ phải giảm dần và chuyển sang những khoản đầu tư có lợi nhuận cao hơn. Bên cạnh đó, các tổ chức tài chính tín dụng trong nước muốn nâng cao sức cạnh tranh buộc phải nâng cao tính minh bạch, áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về kế toán, báo cáo tài chính và quản trị rủi ro, tìm hiểu và phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính mới.

*Các quan hệ thương mại phát triển tạo cơ hội cho hệ thống tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu:* Bên cạnh đó, các luồng vốn đầu tư và thương mại quốc tế vào Việt Nam sẽ tăng trưởng mạnh khi Hiệp định TPP được thực thi sẽ làm tăng khả năng thanh khoản của hệ

thống các tổ chức tín dụng của Việt Nam, làm gia tăng lượng khách hàng khi hoạt động thương mại và đầu tư được đẩy mạnh. Hiệp định TPP sẽ mở ra cơ hội cho các tổ chức tín dụng Việt Nam đồng hành cung cấp dịch vụ, sản phẩm cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong thời gian tới.

Tóm lại, hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam có sự phát triển nhất định và có sự phục hồi so với thời gian trước với tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh và được đánh giá là thực chất hơn. Tuy nhiên, đứng trước ngưỡng cửa Việt Nam gia nhập Hiệp định TPP, sự chuẩn bị của các tổ chức tín dụng trong nước chưa cao, rủi ro về nợ xấu, về thanh khoản vẫn là những vấn đề cần lưu tâm và cần có những giải pháp quyết liệt nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng, đặc biệt là tín dụng bất động sản.

#### **4. Kết luận và khuyến nghị giải pháp**

Việc gia nhập thành công Hiệp định TPP vừa qua đã mở ra nhiều cơ hội mới cho Việt Nam. Đối với thị trường tài chính, TPP chính là cơ hội để Việt Nam hội nhập sâu hơn vào thị trường tài chính thế giới, đồng thời đặt ra những thách thức không nhỏ.

##### **4.1. Thuận lợi và khó khăn đối với các tổ chức tín dụng do Hiệp định TPP mang lại**

###### *Thuận lợi*

Theo đánh giá của các thành viên TPP, thương mại dịch vụ ngày càng quan trọng nên các nước đã chia sẻ sự quan tâm và đạt được những thống nhất về tự do hóa thương mại dịch vụ, trong đó có lĩnh vực dịch vụ tài chính. Cụ thể, cam kết TPP đảm bảo cung cấp các cơ hội mở cửa thị trường rộng hơn cho các thành viên TPP thông qua việc cho phép cung cấp các dịch vụ tài chính cụ thể qua biên giới sang một nước thành viên TPP từ một nhà cung cấp dịch vụ của thành viên TPP khác mà không yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ phải thành lập cơ sở hoạt động tại một nước khác để bán dịch vụ của mình. Không thành viên TPP nào có thể áp dụng các hạn chế định lượng đối với việc cung cấp dịch vụ trừ các trường hợp ngoại lệ được quy định trong TPP.

Các tổ chức tài chính tín dụng sẽ được mở rộng hơn theo các cam kết chung. Theo đó, Việt Nam có cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào ngành ngân hàng - một ngành cần vốn, công nghệ và năng lực quản lý điều hành cao. Việc tham gia sâu rộng của nhà đầu tư nước ngoài cũng sẽ tạo điều kiện mở rộng hợp tác, nâng cao năng lực quản trị và tài chính cho các ngân hàng trong nước. Thêm nữa, sự phát

triển về thương mại, cũng đem lại nhu cầu về cung ứng dịch vụ tài chính cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, mang đến sự mở rộng hoạt động và phát triển của thị trường tài chính Việt Nam.

#### *Khó khăn*

Trước đây, dịch vụ tài chính - ngân hàng là mảng hoạt động mà mức độ mở cửa thị trường là hạn chế. Do đó, tham gia TPP cũng sẽ gây ra những thách thức lớn đối với lĩnh vực dịch vụ tài chính tín dụng của Việt Nam, đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ càng về năng lực cũng như về kiến thức trong bối cảnh mới. Cụ thể như:

Độ sâu của thị trường tài chính Việt Nam còn chưa cao. Hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam còn chứa đựng nhiều rủi ro thể hiện ở tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro, nợ xấu tuy được đưa về ngưỡng an toàn nhưng còn chưa thực chất.

Nhận thức và sự ủng hộ của các tổ chức tín dụng trong nước đối với sự tham gia của Việt Nam vào TPP còn thấp, trong khi đây là một hiệp định mang tính mở cửa cao và có sức ảnh hưởng lớn đến thị trường tài chính của Việt Nam.

Áp lực cạnh tranh trong ngành sẽ ngày càng tăng lên do sự thâm nhập của các định chế tài chính nước ngoài ở các nước phát triển với tiềm lực tài chính và khả năng quản trị chuyên nghiệp trong khi các tổ chức tín dụng trong nước đang trong quá trình tái cơ cấu.

Quy định các định chế tài chính nước ngoài có thể góp vốn nhiều hơn vào các tổ chức tín dụng trong nước sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp nhận vốn đầu tư nước ngoài nhiều hơn, tuy nhiên điều này dẫn đến khả năng thâm tóm hoặc chi phối các ngân hàng trong nước, trong khi đây là khu vực quan trọng và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Và điều này có thể xảy ra khi vấn đề sở hữu chéo giữa các ngân hàng Việt Nam vẫn chưa được giải quyết một cách triệt để.

Việt Nam chưa thực hiện tự do hóa thị trường tài chính. Tuy nhiên, việc mở cửa khi ký kết TPP đem lại rủi ro từ việc phụ thuộc vào dòng vốn ngoại sẽ tăng lên cho nền kinh tế Việt Nam. Với tỷ lệ nợ nước ngoài (cả nợ công và nợ tư nhân) ngày một tăng lên của Việt Nam, cộng với tầm quan trọng của tỷ trọng FDI trên cán cân thanh toán thì sự phụ thuộc này ngày càng mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, khi thị trường tài chính toàn cầu gặp những cú sốc

lớn khiến dòng vốn quốc tế biến động mạnh, thị trường tài chính Việt Nam sẽ càng dễ tổn thương.

#### **4.2. Khuyến nghị giải pháp**

Một số điểm cần chú ý trong quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức tín dụng Việt Nam trên cơ sở tận dụng những thuận lợi, vượt qua những khó khăn trước ngưỡng cửa Việt Nam gia nhập Hiệp định TPP:

Các tổ chức tín dụng cần kiểm soát việc sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn dưới mức tối đa cho phép: Trong khi theo Thông tư số 06/2016/TT-NHNN sửa đổi bổ sung Thông tư số 36/3014/TT-NHNN, tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn của từng khối được điều chỉnh theo lộ trình giảm dần nhằm đảm bảo phù hợp với định hướng hạn chế cấp tín dụng trung dài hạn, giảm rủi ro thanh khoản; giảm tập trung cấp tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản (chủ yếu là cho vay trung dài hạn) thì tỷ lệ này trong thời gian vừa qua lại có xu hướng tăng lên, điều này ẩn chứa rủi ro thanh khoản đối với hệ thống các tổ chức tín dụng. Do đó, các tổ chức tín dụng cần theo dõi và có cơ cấu nguồn vốn phù hợp với việc điều chỉnh tỷ lệ này ở ngưỡng an toàn cho phép.

Cần nâng cao chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu: Việc khoanh nợ, giãn nợ và bán nợ xấu cho VAMC chỉ là giải pháp tình thế, các khoản nợ này chỉ tạm được khoanh lại chứ chưa thực sự được xử lý triệt để. Chính vì vậy, các tổ chức tín dụng cần có sự kiểm soát chặt chẽ hơn và tăng cường chất lượng trong các khâu thẩm định tín dụng, cho vay dựa trên tính khả thi của phương án sản xuất, kinh doanh; tránh việc quyết định duyệt hồ sơ tín dụng dựa trên quan hệ đối với hồ sơ tín dụng có rủi ro cao.

Tăng cường nhận thức của các tổ chức tín dụng về các hiệp định thương mại tự do mở trong thời gian sắp tới, đặc biệt là Hiệp định TPP. Có các lớp tổ chức, tập huấn về nội dung mở cửa của dịch vụ tài chính, cơ hội và thách thức đối với hệ thống các tổ chức tín dụng do sự mở cửa đem lại. Trong đó, các tổ chức tín dụng có thể tự tái cấu trúc nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn bị về tiềm lực tài chính và năng lực quản trị, dự báo đối tượng khách hàng khi các hiệp định thương mại tự do được thực thi, đón đầu xu hướng M&A (mua bán và sáp nhập) và FDI nhằm tận dụng tối đa lợi thế do các nước đối tác trong các hiệp định thương mại tự do đem lại. □



## Tài liệu tham khảo

Gerard Debreu (1959), *Theory of Value: An Axiomatic Analysis of Economic Equilibrium*, Yale University Press, USA.

Nguyễn Thị Hoàng Yến (2016), *Nhìn lại tăng trưởng tín dụng Việt Nam năm 2015 và những rủi ro tiềm ẩn*, truy cập lần cuối ngày 05 tháng 07 năm 2016, từ <<http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=18754>>.

Nguyễn Thị Hương Thanh (2014), Viện chiến lược ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Tác động của Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) đến ngành ngân hàng Việt Nam*, truy cập lần cuối ngày 05 tháng 07 năm 2016, từ <[http://www.centralbank.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/hdk/hdk-hcn/htnc/htnc\\_chitiet?leftWidth=20%25&dID=261580&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=CNTHWEBAP0116211761851&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&\\_afrLoop=2843917783988328#%40%3F\\_afrLoop%3D2843917783988328%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DCNTHWEBAP0116211761851%26dID%3D261580%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26\\_adf.ctrl-state%3D10uuo4s78i\\_9](http://www.centralbank.vn/webcenter/portal/vi/menu/trangchu/hdk/hdk-hcn/htnc/htnc_chitiet?leftWidth=20%25&dID=261580&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=CNTHWEBAP0116211761851&rightWidth=0%25&centerWidth=80%25&_afrLoop=2843917783988328#%40%3F_afrLoop%3D2843917783988328%26centerWidth%3D80%2525%26dDocName%3DCNTHWEBAP0116211761851%26dID%3D261580%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D10uuo4s78i_9)>.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2016), Tài liệu Hội thảo *Đánh giá chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI 2015*, Hà Nội.

Schumpeter, Joseph A. (1912), *Theory of Economic Development*, Cambridge, Harvard University Press, USA.

Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (2016), Tài liệu Hội thảo “*Công bố Báo cáo tổng quan thị trường tài chính năm 2015 và chỉ số kinh tế dẫn báo*”, Hà Nội.